



**TẠP CHÍ**

# **KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG**

**Central Vietnamese Review of Social Sciences**

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

# CVRSS

**Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

## **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Trần Minh Đức

## **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **BAN BIÊN TẬP**

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

# CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

## Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài ..... 3  
**Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú**
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam ..... 11  
**Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy**
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19  
**Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm**
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29  
**Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh**
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41  
**Đoàn Ngọc Phúc**
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam ..... 51  
**Bùi Minh Chuyên**
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61  
**Phan Thị Hoàn**
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71  
**Trương Thùy Hương**
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế ..... 80  
**Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh**
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng ..... 93  
**Phạm Quang Tín**
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104  
**Lê Công Hường**
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114  
**Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn**
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127  
**Võ Hữu Hòa**
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137  
**Võ Văn Dũng**
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu ..... 144  
**Phan Thúy Hằng**

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 12/2024.

# CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17<sup>th</sup> Year

## **Contents**

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement .....**3**  
***Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu***
  2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**  
***Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy***
  3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**  
***Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom***
  4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation .....**29**  
***Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh***
  5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**  
***Doan Ngoc Phuc***
  6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises .....**51**  
***Bui Minh Chuyen***
  7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises .....**61**  
***Phan Thi Hoan***
  8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**  
***Truong Thuy Huong***
  9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**  
***Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh***
  10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**  
***Pham Quang Tin***
  11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province. ....**104**  
***Le Cong Huong***
  12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**  
***Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan***
  13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**  
***Vo Huu Hoa***
  14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**  
***Vo Van Dung***
  15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**  
***Phan Thuy Hang***
-

## Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Phan Thị Hoàn

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Email liên hệ: phanhoan.na@gmail.com

**Tóm tắt:** Thúc đẩy trao quyền kinh tế cho phụ nữ thông qua tăng cường các cơ hội tiếp cận các nguồn tín dụng là chiến lược được các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển chú trọng. Tuy vậy, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cũng cho thấy vẫn còn tồn tại khoảng cách giới và bất bình đẳng giới trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức ở các quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam. Bài viết này trên cơ sở phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp sẽ nhận diện những thuận lợi, khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các kết quả nghiên cứu dựa trên bằng chứng, nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát hiện khoảng trống trong nghiên cứu để đề ra hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa:** Khó khăn; Thuận lợi; Tiếp cận, Vốn tín dụng chính thức, Phụ nữ.

### Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises

**Abstract:** Promoting women's economic empowerment by enhancing access to credit sources is a strategy prioritized by international organizations and countries, especially in developing nations. However, many studies in Vietnam and abroad have shown that gender disparities persist in accessing formal credit, both globally and in Vietnam. This article uses a synthesis and analysis of secondary data to identify the advantages and difficulties women-owned small and medium enterprises face in accessing formal credit. Through evidence-based findings, it examines key factors affecting the group's access to formal credit, highlights research gaps to propose further research directions.

**Keywords:** Difficulties; Advantages; Access, Formal credit capital, Women.

**Ngày nhận bài:** 10/9/2024; **Ngày phản biện:** 21/9/2024; **Ngày duyệt đăng:** 18/11/2024

### 1. Đặt vấn đề

Thúc đẩy trao quyền kinh tế cho phụ nữ thông qua tăng cường các cơ hội tiếp cận các nguồn tín dụng là chiến lược được các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển chú trọng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, việc tiếp cận tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho phụ nữ nói riêng và xã hội nói chung. Trên phương diện kinh tế, tiếp cận tín dụng chính thức gia tăng cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế (chẳng hạn như khởi nghiệp, mở rộng quy mô kinh doanh, đầu tư sản xuất...) làm tăng thu nhập và ổn định kinh tế hộ gia đình và giúp phụ nữ tự làm chủ, đạt được sự độc lập về tài chính, tiếp cận với các dịch vụ tài chính khác như tiết kiệm và bảo hiểm (Demirgüç-Kunt và cộng sự, 2015; Kabeer, 2016; Mirpourian, Torres và Kelly, 2021). Trên phương diện vị thế xã hội và quyền ra quyết định, việc tiếp cận tín dụng giúp phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các quyết định trong gia đình và tăng ảnh hưởng đối với vấn đề tài chính. Đồng thời, họ cũng có cơ hội đầu tư nhiều hơn vào giáo dục và sức khỏe cho bản thân và gia đình, điều đó giúp làm thu hẹp khoảng cách giới trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội, đầu tư tốt

hơn cho thể hệ tương lai (World Bank Group, 2018; Phan Thuận, 2018). Ngoài ra, trên phương diện phát triển cộng đồng, có nghiên cứu chỉ ra rằng khi phụ nữ thành công, họ thường đóng góp vào phát triển cộng đồng bằng cách hỗ trợ các sáng kiến cộng đồng và doanh nghiệp địa phương.

Mới đây nhất, vào Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3) năm 2024, tổ chức UN Women đã đưa ra chủ đề “Đầu tư vào phụ nữ: Đẩy nhanh tốc độ phát triển”, theo đó có 5 yếu tố được xác định cần được ưu tiên tập trung trong trao quyền kinh tế cho phụ nữ bao gồm: nguồn lực, việc làm, thời gian, sự an toàn và quyền lợi (UN Women, 2024). Trong đó, tiếp cận nguồn lực tài chính được đặt lên hàng đầu, bởi sự tự chủ về tài chính được coi là then chốt trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như góp phần giải quyết vấn đề bình đẳng giới. Tại Việt Nam, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính dành cho phụ nữ và trẻ em gái là một trong những mục tiêu được đặt ra nhằm đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái “*Đảm bảo tất cả phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia*” (Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, 2017).

Một trong những kênh quan trọng để đầu tư, trao quyền cho phụ nữ đó là thông qua các hình thức tín dụng chính thức. *Tín dụng chính thức* là hoạt động đi vay và cho vay, thể hiện mối quan hệ giữa người vay với người cho vay là các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính chính thức - gọi chung là các tổ chức tín dụng chính thức, được xác định cụ thể trong Luật ở mỗi thể chế, quốc gia khác nhau. Tại Việt Nam, các dịch vụ tài chính chính thức được công nhận và quy định trong Luật các tổ chức Tín dụng (Luật số 32/2024/QH15) và các văn bản dưới luật liên quan. Theo Bialus & cộng sự (2022), tính đến năm 2022, có 5 nhóm cung cấp dịch vụ tài chính chính thức chủ yếu, bao gồm: nhóm thứ nhất là 7 ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu; thứ hai là 28 ngân hàng thương mại cổ phần, 10 công ty cho thuê tài chính; thứ ba là 61 ngân hàng liên doanh và nước ngoài; thứ tư là 16 công ty tài chính; và nhóm thứ 5 bao gồm 1.164 quỹ tín dụng nhân dân và ngân hàng hợp tác xã, 2 ngân hàng chính sách, 4 tổ chức tín dụng vi mô. Trong đó nhóm thứ 5 tập trung cung cấp các dịch vụ cho vay dành cho các cá nhân đặc biệt là những người có thu nhập thấp và ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, mặc dù có nhiều chương trình, hình thức hỗ trợ phụ nữ tiếp cận với vốn tín dụng, đặc biệt là nhóm phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cũng cho thấy vẫn còn tồn tại khoảng cách giới và bất bình đẳng giới trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức ở các quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam (Ongena, Popov, 2015; Andrés và cộng sự, 2019; Giglio, 2020; Morsy và Youssef, 2020; Baptiste và cộng sự, 2021; Roy và Patro, 2022; Phan Thuận, 2018; Nguyễn Thị Hồng Vũng, 2020). Phụ nữ làm chủ doanh nghiệp không những đóng góp vào tăng trưởng của kinh tế, mà còn thể hiện và khẳng định vai trò, vị thế về mặt kinh tế của phụ nữ đối với gia đình, cộng đồng và xã hội (ADB, 2023). Điều đó càng thúc đẩy quá trình trao quyền, tăng quyền cho phụ nữ.

Từ những vấn đề nêu trên, bài viết này có mục tiêu nhận diện những thuận lợi, khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các kết quả nghiên cứu dựa trên bằng chứng, nhằm xác định các yếu tố tác động đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát hiện khoảng trống trong nghiên cứu để đề xuất chủ đề nghiên cứu tiếp theo.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Với mục tiêu đề ra, bài viết sử dụng phương pháp chính là tổng hợp, phân tích tư liệu. Nguồn tài liệu được tìm kiếm dựa trên các cơ sở dữ liệu khoa học lớn và đáng tin cậy ở trong và ngoài nước thông qua các từ khoá chính là “tiếp cận”, “tín dụng chính thức”, “phụ nữ”, “phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa”, “giới”, “khó khăn/rào cản”, “thuận lợi/hỗ trợ”. Các cơ sở dữ liệu khoa học bao gồm: Google scholar, Cơ sở dữ liệu về các nhiệm vụ và công bố khoa học & công nghệ Việt Nam, Dimensions AI - cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học tổng hợp các công bố nghiên cứu trên nhiều chuyên ngành, lĩnh vực từ các tạp chí uy tín trên thế giới; cơ sở dữ liệu từ các tổ chức phát triển quốc tế có chú trọng tới vấn đề giới như UNWomen, Ngân hàng phát triển châu Á-ADB, Ngân hàng thế giới - World Bank.

Trên cơ sở đó, tài liệu được tổng hợp, phân loại và phân tích văn bản, phân chia thành hai nhóm chủ đề chính là những khó khăn, thuận lợi mà phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp phải trong quá trình tiếp cận vốn tín dụng chính thức. Từ đó, dữ liệu được rà soát nhằm xác định cụ thể những khó khăn, thuận lợi trong các nghiên cứu là gì để làm cơ sở đánh giá, phân tích.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Các nghiên cứu về tiếp cận vốn tín dụng chính thức (từ ngân hàng, tổ chức tín dụng vi mô) của các nhóm phụ nữ có ngành nghề, khu vực sinh sống và điều kiện kinh tế khác nhau, trong đó thường tập trung các nhóm phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phụ nữ nghèo và phụ nữ ở khu vực nông thôn. Kết quả của nhiều nghiên cứu cho thấy vẫn còn khoảng cách giới trong tiếp cận vốn tín dụng, trong đó phụ nữ thường có tỷ lệ tiếp cận và vay vốn thấp hơn so với nam giới. Những khó khăn khi tiếp cận vốn tín dụng chính thức đó là những nguyên nhân chính dẫn tới thực trạng trên. Các khó khăn chính được chỉ ra bao gồm: thiếu thông tin và kiến thức tài chính, áp lực xã hội và văn hoá (được thể hiện rõ nét qua vấn đề định kiến và tự định kiến), hạn chế về tín dụng và tài sản thế chấp, rào cản về mặt pháp lý. Các nghiên cứu thường chỉ ra các khó khăn khác nhau, trong đó, áp lực về văn hoá và xã hội là khó khăn nổi cộm.

#### *Áp lực xã hội và văn hoá*

Trong nhiều nền văn hoá, phụ nữ có thể gặp áp lực từ phía gia đình hoặc cộng đồng khi không ủng hộ họ tham gia vào các hoạt động kinh tế độc lập hoặc vay vốn để khởi nghiệp, hoặc không tin tưởng rằng phụ nữ có thể điều hành hoạt động kinh tế hiệu quả như hoặc hơn nam giới. Bên cạnh đó, cũng có nghiên cứu chỉ ra rằng, chính phụ nữ cũng tự định kiến về khả năng có thể vay vốn để phát triển kinh tế (Ongena & Popov, 2015; André & cộng sự, 2019; Giglio, 2020; Galli & Mascia, 2020; Roy và Patro, 2022).

Nghiên cứu dựa trên dữ liệu từ 6.000 doanh nghiệp nhỏ trong 17 quốc gia cho thấy chỉ ra mối quan hệ nghịch đảo giữa định kiến giới và việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ. Ở các quốc gia mà định kiến giới cao thì phụ nữ làm chủ doanh nghiệp thường không được khuyến khích tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, thay vào đó họ chủ yếu dựa trên nguồn tài chính phi chính thức. Mặc dù ngân hàng không phân biệt đối xử nhưng dữ liệu cho thấy ở các quốc gia đó thì phụ nữ cũng thường rút hồ sơ vay vốn hơn (Ongena & Popov, 2015).

Tương tự, một nghiên cứu về các doanh nghiệp do nam giới và nữ giới ở Tây Ban Nha cho thấy phụ nữ khởi nghiệp thường ít có khả năng vay vốn hơn so với nam giới, mặc dù đánh giá hiệu suất vay vốn trong số những người vay vốn thì cho thấy công ty do nữ vận hành sử dụng vốn có hiệu quả hơn. Nghiên cứu này cho rằng nguyên nhân là do những

tiêu chuẩn kép trong vay vốn đưa ra - hệ quả ngầm của sự phân biệt đối xử - khiến cho phụ nữ khó tiếp cận vốn hơn so với nam giới (André & cộng sự, 2019).

Nghiên cứu tổng quan tài liệu về việc tiếp cận tín dụng của nữ doanh nghiệp cũng khẳng định lại một số nhận định của hai nghiên cứu trên, đồng thời cũng chỉ rõ bốn rào cản mà nữ doanh nghiệp gặp phải khi họ tiếp cận tín dụng ngân hàng: về cung cầu, về đặc điểm doanh nghiệp, văn hoá xã hội và nguồn lực tài chính. Nhìn chung phụ nữ thường bị từ chối tiếp cận tín dụng hơn so với nam giới bởi vì họ thường bị đánh giá là không thích rủi ro, ít có kinh nghiệm điều hành quản lý, chuyên môn đào tạo không phù hợp, vận hành quy mô doanh nghiệp nhỏ, truyền thống văn hoá có khuynh hướng phân biệt đối xử nam nữ (Giglio, 2020). Nghiên cứu về tiếp cận tài chính ở khu vực cận Sahara cũng cho thấy những quan niệm, định kiến cho rằng phụ nữ là nhóm đối tượng vay vốn có nhiều rủi ro, bởi vậy họ thường bị cho vay vốn ít hơn với lãi suất cao hơn so với doanh nghiệp có quy mô tương tự do nam giới vận hành (Aterido, Beck và Lavovone, 2013).

Nghiên cứu của World Bank (2017) tại Việt Nam cũng chỉ ra một số quan niệm sai lầm trên thị trường về năng lực tài chính của phụ nữ như: nữ doanh nhân ngại rủi ro trong tìm kiếm tài trợ hơn so với nam doanh nhân, phụ nữ chỉ xem hoạt động kinh doanh nhỏ như “công việc tay trái”...

Bên cạnh việc định kiến từ cộng đồng, xã hội, cũng có trường hợp phụ nữ tự định kiến về khả năng trong tiếp cận, sử dụng vốn vay. Ackah và cộng sự (2023) nghiên cứu về sự không ưa thích vay vốn chính thức của nữ doanh nghiệp siêu nhỏ ở Ghana cho thấy: thái độ không thích vay vốn từ các tổ chức tài chính chính thức xuất phát từ khía cạnh văn hóa xã hội, bao gồm các thủ tục đăng ký rườm rà, nỗi sợ hãi sâu xa về hậu quả xã hội của việc vỡ nợ và lệnh cấm tôn giáo đối với việc trả lãi đối với các thương nhân Hồi giáo.

#### *Thiếu thông tin và kiến thức tài chính*

Việc thiếu hiểu biết về các sản phẩm dịch vụ tài chính và quy trình thủ tục vay vốn cũng khiến cho phụ nữ e ngại, không muốn vay vốn, không thể tận dụng hết được các cơ hội vay vốn hiệu quả (Bruhn và Zia, 2011). Việc vay vốn từ các nguồn tín dụng chính thức cần thời gian và đòi hỏi tuân thủ các quy trình thủ tục hành chính liên quan đến quá trình vay, cùng các quy định về lãi suất, thời hạn đáo trả...bởi vậy cần phải có kiến thức nhất định để có thể thực hiện (Chowdhury và cộng sự, 2018).

Vào năm 2023, nghiên cứu của Ngân hàng phát triển châu Á tại Việt Nam (ADB) cho thấy, phụ nữ sở hữu 20% doanh nghiệp nhỏ và vừa (105.876 doanh nghiệp), trong khi đó nam giới sở hữu 80%. Trong số doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, thì phần lớn là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ (69%), quy mô nhỏ là 28% và quy mô vừa chỉ chiếm 3% (ADB, 2023). Kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra, tiếp cận tài chính - vốn tín dụng là một trong những trở ngại lớn nhất đối với các nữ doanh nhân làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nguyên nhân của việc này không phải là do các ngân hàng và tổ chức cho vay tài chính khác có sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nam giới làm chủ và phụ nữ làm chủ, mà chủ yếu xuất phát từ những hạn chế của nữ doanh nghiệp trên các phương diện: tự định kiến/thiên kiến cho rằng thủ tục vay rườm rà mà không chắc chắn đạt được số vốn vay như kỳ vọng, ít biết đến thông tin vốn vay, không nắm rõ quy trình và cho rằng đơn xin vay vốn có khả năng bị từ chối; đặc điểm doanh nghiệp - quy mô quá nhỏ để có cơ hội đào tạo và tiếp cận mạng lưới kinh doanh để có cơ hội tiếp cận các khoản vay lãi suất thấp; thiếu tài sản thế chấp, không đủ năng lực tài chính, chi phí vay cao và ngoài ra còn có các rào cản phi tài chính liên quan đến các chuẩn mực xã hội, văn hoá ẩn sau các định kiến giới (ADB, 2023). Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với thực trạng tiếp cận vốn tín dụng của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quốc gia khác được đề cập trong các nghiên cứu ở trên.

### *Kinh nghiệm tài chính và tài sản thế chấp*

Nghiên cứu của MBI (2016) sau khi phân tích thực trạng phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đã chỉ ra các bất lợi, khó khăn của nhóm phụ nữ này. Trong số đó, là khó khăn trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính - vốn, nguyên nhân là do họ không có tài sản thế chấp phù hợp hoặc không có sự ủng hộ của chồng và gia đình trong quá trình vay vốn.

Nghiên cứu về các nhân tố làm hạn chế việc tiếp cận tín dụng của phụ nữ buôn bán ở Nigeria cũng cho thấy, có nhiều yếu tố làm hạn chế tiếp cận tín dụng của nhóm phụ nữ này, như lãi suất cao, thiếu mạng lưới, thiếu tài sản thế chấp, đặc điểm của hoạt động kinh doanh, thiếu thông tin về vốn vay và thiếu thu nhập thường xuyên. Trong đó, đặc điểm hoạt động kinh doanh (quy mô) và thiếu thu nhập thường xuyên - tài chính ổn định là hai nhân tố tác động lớn nhất tới việc tiếp cận tín dụng chính thức của họ (Olatunji, 2021).

Các thách thức và khó khăn liên quan đến tiếp cận vốn tài chính của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam cũng được một số nghiên cứu khác chỉ ra (TAF, VWEC & MBI, 2018; UNWomen, 2020). Cụ thể, có 4 thách thức hàng đầu bao gồm: lãi suất cao (67%); yêu cầu vay vốn và thế chấp không phù hợp (45%); thời hạn vay không phù hợp (33%) và thiếu tài sản thế chấp (30%). Ngoài ra, các khó khăn so với nam giới bao gồm: không có thông tin về nguồn vốn (25% đối với các SME do phụ nữ làm chủ và 16,7% đối với các SME do nam giới làm chủ), không có mạng lưới giới thiệu trong việc tiếp cận dịch vụ tài chính (23% so với 6,3%), thiếu kỹ năng đàm phán (9% so với 1,6%) và thiếu sự hỗ trợ từ chồng/gia đình (5% so với 3,2%) (TAF, VWEC & MBI, 2018). Đồng thời, do quy mô nhỏ, nên hạn chế về nguồn lực thế chấp và không có hệ thống kế toán và kế hoạch kinh doanh đầy đủ. Vì vậy, họ khó có thể xây dựng phương án tài chính chuẩn mực, thuyết phục để trình ngân hàng thương mại và đủ điều kiện vay vốn (UNWomen, 2020). Tình trạng trên cũng xảy ra tương tự trong các hộ gia đình dân tộc thiểu số, được chỉ ra trong báo cáo đánh giá dựa trên dữ liệu điều tra kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số vào năm 2019: phụ nữ dân tộc thiểu số bất lợi hơn nam giới dân tộc thiểu số trong tiếp cận tín dụng chính thức để phát triển sinh kế, hoạt động sản xuất-kinh doanh-dịch vụ phương diện tỷ lệ tiếp cận và giá trị khoản vay (UNWomen, 2021). Cụ thể, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019 chỉ đạt 15,8%, trong khi đó tỷ lệ tương ứng của hộ gia đình dân tộc thiểu số do nam giới là chủ hộ là 20,7%. Có ba nguyên nhân chính lý giải thực trạng trên được nghiên cứu này chỉ ra, thứ nhất là do quy mô sản xuất - kinh doanh - dịch vụ do phụ nữ làm chủ rất nhỏ nên không có nhu cầu vay vốn; thứ hai liên quan đến nguồn lực vốn con người - được thể hiện trên phương diện các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm của các nữ chủ hộ trong việc lập hồ sơ vay vốn, lên phương án sản xuất còn hạn chế; thứ ba là các hộ sản xuất nhỏ không đáp ứng điều kiện vay vốn không cần đảm bảo tiền vay (chẳng hạn như chứng từ giao dịch, báo cáo tài chính...) (UNWomen, 2021).

### *Rào cản pháp lý*

Nhiều quốc gia vẫn còn có những quy định hạn chế đối với quyền sở hữu tài sản của phụ nữ, khiến họ khó khăn trong việc sử dụng tài sản cá nhân làm tài sản thế chấp để vay vốn. Phụ nữ thường ít giao dịch tín dụng và không đủ tài sản thế chấp khiến cho việc vay vốn trở nên khó khăn hơn nhiều, đặc biệt là trong nhiều xã hội trọng nam, gia trưởng ở vùng nông thôn tại các quốc gia đang phát triển như ở khu vực châu Phi, châu Á (World Bank, 2020; Morsy & Youssef, 2020; Mirpourian, Torres, Kelly, 2021). Tại Việt Nam, Chính phủ đã có nhiều hành động và sáng kiến nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, như ban hành Luật và chiến lược bình đẳng giới, ban hành đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của phụ nữ...và nhiều sáng kiến cụ thể. Tuy nhiên, kết quả của một khảo sát cho thấy những sáng kiến này còn ít được thực hiện dưới lăng kính về giới (ADB, 2023).

Chính vì vậy, đó cũng là một hạn chế trong việc hỗ trợ và thúc đẩy nhóm phụ nữ làm chủ doanh nghiệp.

Ngoài những khó khăn thường được đề cập như ở trên, đối với những phụ nữ ở khu vực vùng sâu vùng xa, yếu tố địa lý, địa hình cũng là một khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng chính thức cũng như thông tin về các dịch vụ tài chính (Demirgüç-Kunt, Klapper và Singer, 2013).

### **3.2. Thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Cùng với sự phát triển của các nền kinh tế, kéo theo nhiều đổi thay của đời sống xã hội, vị thế, vai trò của phụ nữ ngày càng được nâng cao và thừa nhận. Trên phương diện quyền về kinh tế, nhiều nghiên cứu chỉ ra một số thuận lợi chính thúc đẩy việc tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ, bao gồm: chuyển đổi trong chính sách của các quốc gia, việc triển khai các chương trình tín dụng vi mô và sự phát triển của công nghệ tài chính.

#### *Chuyển đổi trong chính sách*

Có thể nói rằng, thể chế và luật pháp có tác động ở tầm vĩ mô, bao quát đối với vấn đề về bình đẳng giới nói chung, về tiếp cận tín dụng chính thức của phụ nữ thông qua các chính sách, chương trình cụ thể.

Khoảng cách giới, phân biệt giới đối với phụ nữ hoạt động kinh doanh nói riêng, trên các khía cạnh bình đẳng giới khác (hôn nhân, tài sản, làm cha mẹ, lương...) ở khu vực Bắc Phi và cận Sahara, Trung Đông là cao nhất (World Bank, 2024). Tuy nhiên, theo báo cáo của World Bank từ năm 2018-2024, cùng với sự phát triển kinh tế, một số quốc gia ở Bắc Phi như Togo, Jordan đang có nhiều sửa đổi, cải cách về luật pháp nhằm tăng quyền cho phụ nữ, trong đó có quyền tiếp cận vốn để đầu tư vào hoạt động buôn bán (World Bank, 2018, 2020, 2024).

Nhiều quốc gia đã triển khai các chính sách khuyến khích ngân hàng cung cấp dịch vụ tín dụng cho phụ nữ, bao gồm các chương trình đào tạo về tài chính và hỗ trợ cho các doanh nghiệp do phụ nữ điều hành (Mirpourian, Torres, Kelly, 2021). Bên cạnh đó, một nghiên cứu khảo sát dựa trên dữ liệu cá nhân từ 148 quốc gia phát triển và đang phát triển cũng cho thấy, những nỗ lực cải cách chính sách tăng cường bình đẳng giới trong luật cũng làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính của phụ nữ, trong đó có phụ nữ làm chủ doanh nghiệp (Perrin & Hyland, 2023).

#### *Chương trình tài chính vi mô*

Nhiều tổ chức tài chính vi mô cung cấp các khoản vay nhỏ với điều kiện dễ dàng cho phụ nữ, giúp họ khởi nghiệp và phát triển kinh doanh. Việc này đặc biệt hữu ích ở các nước đang phát triển, nơi phụ nữ thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng từ ngân hàng truyền thống (Mirpourian, Torres và Kelly, 2021).

Tín dụng vi mô là một phần của tài chính vi mô, là hoạt động cho vay các khoản nhỏ với thời hạn ngắn, nhằm đáp ứng cho các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ, đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt là xóa đói giảm nghèo. Hình thức tín dụng này phổ biến ở khu vực nông thôn, tại các quốc gia đang phát triển, và được coi là một công cụ hữu ích trong việc nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ và giúp phụ nữ chủ động hơn, nâng cao vai trò kinh tế và tiếng nói trong gia đình (Mayoux, 2000; Zainuddin & Yasin, 2020). Tài chính vi mô tồn tại dưới nhiều hình thức, đặc biệt là những nhóm cho vay nhỏ không cần tài sản thế chấp nên nhiều phụ nữ dễ dàng tiếp cận hơn để đầu tư vào hoạt động buôn bán, sản xuất (Banerjee và cộng sự, 2015; Khandker, 2016).

### *Công nghệ tài chính (Fintech)*

Sự phát triển của các ứng dụng tài chính và dịch vụ ngân hàng trực tuyến đã giúp phụ nữ dễ dàng hơn trong việc tiếp cận vốn tín dụng. Điều này đặc biệt quan trọng cho những phụ nữ sống ở vùng nông thôn, nơi có ít chi nhánh ngân hàng. Bằng cách sử dụng công nghệ di động, phụ nữ có thể vượt qua các rào cản truyền thống như thiếu tài sản thế chấp hoặc chi nhánh ngân hàng thực tế để có thể vay vốn, đồng thời gia tăng kinh nghiệm sử dụng các dịch vụ tài chính khác như thanh toán, tiết kiệm trực tuyến (GSMA, 2020). Điều đó được minh chứng qua dữ liệu sở hữu tài khoản và giao dịch tài chính trực tuyến của phụ nữ khu vực cận Sahara giai đoạn 2014-2024 (Klapper, 2024), cũng như dựa trên dữ liệu vay vốn của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Ý từ năm 2018-2024 của công ty công nghệ tài chính (Bianchi và Ricco, 2024).

### **3.3. Một số nhận xét**

Các nghiên cứu đã chỉ ra những khó khăn mà phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đối mặt khi tiếp cận tín dụng chính thức, từ định kiến giới và phân biệt đối xử trong hoạt động cho vay đến việc thiếu hiểu biết về tài chính và các chuẩn mực văn hóa hạn chế quyền tự chủ tài chính của phụ nữ. Đây chính là những yếu tố tác động, làm cản trở việc tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc giải quyết những khó khăn này thông qua cải cách pháp lý, các chương trình hiểu biết về tài chính và các sản phẩm tín dụng nhạy cảm với giới là rất quan trọng để đảm bảo rằng phụ nữ có thể được hưởng lợi đầy đủ từ việc tiếp cận tín dụng chính thức.

Những nỗ lực can thiệp như tài chính vi mô, cải cách pháp lý, dịch vụ tài chính kỹ thuật số và các chương trình giáo dục tài chính là những thuận lợi thúc đẩy việc tiếp cận tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những nỗ lực này đóng vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết các khó khăn về mặt cấu trúc và văn hóa mà phụ nữ phải đối mặt khi tiếp cận tín dụng, cuối cùng là thúc đẩy quyền năng kinh tế và độc lập tài chính của họ.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu trên cũng cho thấy các yếu tố khác tác động tới thực trạng tiếp cận vốn tín dụng chính thức còn hạn chế của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các yếu tố được chỉ ra bao gồm: đặc điểm và quy mô loại hình kinh doanh-sản xuất-dịch vụ, hạn chế về nguồn nhân lực (kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức về vay vốn...). Đặc biệt, còn một yếu tố chủ quan mang tính tự định kiến đó là tâm lý tự ti, lo ngại của phụ nữ về khả năng có thể vay được vốn từ các nguồn tín dụng chính thức.

Qua tổng quan tài liệu cho thấy rằng định kiến về khả năng vận hành hoạt động kinh doanh của phụ nữ vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Chính vì vậy, cần có thêm những nghiên cứu đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính thức của phụ nữ trong các bối cảnh văn hoá-xã hội khác nhau nhằm cung cấp thêm các bằng chứng để có thể phản biện lại quan niệm trên, qua đó dần dần thay đổi quan niệm của bản thân phụ nữ, gia đình và cộng đồng, xã hội. Bên cạnh đó, cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn về các loại hình doanh nghiệp mà phụ nữ vận hành trong những bối cảnh khác nhau để có thể đưa ra các chính sách can thiệp phù hợp hơn, hiệu quả hơn nữa.

### **4. Kết luận**

Mặc dù có nhiều thuận lợi giúp phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng chính thức, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn cần khắc phục. Việc điều chỉnh chính sách, thực hiện chương trình giáo dục tài chính và hành động nhằm thay đổi nhận thức xã hội là cần thiết để cải thiện tình hình này. Cải cách pháp lý nhằm cải thiện quyền sở hữu tài sản của phụ nữ và quyền tiếp cận tài sản, có thể dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay làm sẽ tăng khả năng đảm bảo tín dụng và đầu tư vào hoạt động kinh tế của họ.

Các chương trình giáo dục tài chính có thể giúp phụ nữ hiểu biết hơn các điều khoản cho vay, lãi suất và nghĩa vụ trả nợ. Điều này có thể làm giảm nguy cơ mắc nợ quá mức và tăng khả năng đầu tư kinh doanh thành công. Ngoài ra, việc cung cấp các sản phẩm tín dụng nhạy cảm với giới tính với các yêu cầu thể chấp linh hoạt và các điều khoản trả nợ phù hợp với thực tế tài chính của phụ nữ cũng là biện pháp thúc đẩy tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ nói chung, của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng.

### Tài liệu tham khảo

Ackah, C., Torvikey, G. D., Obeng Adomaa, F., & Asante, K. T. (2024). "You cannot rely on bank loans to expand your business": aversion to formal credit among female micro-entrepreneurs in Ghana. *International Journal of Social Economics*, 51(7), 870-883.

Andrés, P., and Gimeno, R., and Mateos de Cabo, R. (2019). The Gender Gap in Bank Credit Access". *Banco de Espana Working Paper No. 1945* Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=3510121> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3510121>.

Asian Development Bank (ADB). (2023). *Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản - Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam*. Truy xuất tại <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/940406/white-book-women-owned-smes-viet-nam-vi.pdf>, ngày 1/10/2024.

Banerjee, A., Duflo, E., Glennerster, R., and Kinnan, C. (2015). "The Miracle of Microfinance? Evidence from a Randomized Evaluation". *American Economic Journal: Applied Economics*, 7 (1): 22-53.

Baptiste, J., and Obuke, O., and Oyedokun, O. (2021). *Global Financial Inclusion And Gender Pay Gap In Developed And Developing Countries*. Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=4664016> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4664016>.

Bianchi, T, M., Ricco, S. (2024). The Financial Inclusion of Women Through Fintech. A Case Study. In *Gender Issues in the Sustainable Development Era*. Paola Paoloni (Editor), Springer Cham. Pp. 145-163.

Chowdhury, T. Y., Yeasmin, A., & Ahmed, Z. (2018). Perception of women entrepreneurs to accessing bank credit. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 8, 1-16.

Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L. F., and Singer, D. (2013). Financial Inclusion and Legal Discrimination against Women: Evidence from Developing Countries. *Policy Research Working Paper 6416*. World Bank, Washington, DC.

Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L.F., Singer, D., Oudheusden, P.V. (2015). The Global Findex Database 2014. "Measuring Financial Inclusion Around the World. *Policy Research Working Paper No. 7255*. The World Bank, Washington, DC.

Galli, E., Mascia, D.V. and Rossi, S.P.S. (2020). Bank Credit Constraints for Women-Led SMEs: Self-Restraint or Lender Bias? *European Financial Management*, 26 (4). pp. 1147-1188. ISSN 1354-7798.

Giglio, F. (2020). Access to Credit and Women Entrepreneurs: A Systematic Literature Review. *European Research Studies Journal*. Volume XXIII, Issue 4. Pp. 312-335.

GSMA (Global System for Mobile Communications Association). (2020). *The mobile economy Sub-Saharan Africa 2020*. Truy xuất tại [https://www.gsma.com/solutions-and-impact/connectivity-for-good/mobile-economy/wp-content/uploads/2020/09/GSMA\\_Mobile\\_Economy2020\\_SSA\\_Eng.pdf](https://www.gsma.com/solutions-and-impact/connectivity-for-good/mobile-economy/wp-content/uploads/2020/09/GSMA_Mobile_Economy2020_SSA_Eng.pdf), ngày 26/9/2024.

Khandker, S. R., Khalily, M. A. B. & Samad, H. A. (2016). *Beyond Ending Poverty: The Dynamics of Microfinance in Bangladesh*. Washington, D.C.: World Bank.

Klapper, L. (2024). "Digital finance boosting women's financial inclusion in sub-Saharan Africa: Emerging evidence". *Brookings*. Truy xuất tại <https://www.brookings.edu/articles/digital-finance-boosting-womens-financial-inclusion-in-sub-saharan-africa-emerging-evidence/>, ngày 1/10/2024.

Mayoux, L. (2000). Micro-finance and the empowerment of women : a review of the key issues. *ILO Working Papers 993441343402676*, International Labour Organization.

Mirpourian, M., Torres, M., & Kelly, S. (2021). Determinants of Women's Financial Inclusion and Economic Empowerment: A Data-Driven Thought Experiment. Truy xuất tại [https://www.womensworldbanking.org/wp-content/uploads/2021/06/2021\\_Determinants\\_of\\_Womens\\_Financial\\_Inclusion.pdf](https://www.womensworldbanking.org/wp-content/uploads/2021/06/2021_Determinants_of_Womens_Financial_Inclusion.pdf), ngày 20/9/2024.

Morsy, H. & Youssef, H. (2020). Access to Finance - Mind the Gender Gap. *The Quarterly Review of Economics and Finance* Volume 78, November 2020, Pages 12-21.

Nguyễn Thị Hồng Vũng. (2020). Bất bình đẳng giới trong tiếp cận tín dụng chính thức của các hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. Luận án Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Olatunji, H. (2021). Assessment of the Factors Constraining Women in Business from Accessing Formal Credit in Sokoto State, Nigeria. *International Journal of Advanced Research in Statistics Management and Finance – Article*.

Ongena, S., Popov, A. ECB Working Paper. (2015). *Gender bias and credit access*. No. 1822, ISBN 978-92-899-1635-6, European Central Bank (ECB), Frankfurt a. M.

Perrin, C. & Hyland, M. (2023). *Gendered laws and women's financial inclusion*. Truy xuất tại <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099419001242331405/pdf/IDU01137fc5100ae204e9a0a0c20b39ddddd48f92.pdf>, ngày 10/8/2024.

Phan Thuận. (2018). "Khoảng cách giới trong tiếp cận nguồn lực phát triển nông thôn ở một số nước đang phát triển". *Lý luận Chính trị*, Số 11. tr49-53.

Reyes, A., Thorsten, B. & Leonardo, I. (2013). Access to Finance in Sub-Saharan Africa: Is There a Gender Gap?. *World Development*, Elsevier, vol. 47(C), pages 102-120.

Roy, P., & Patro, B. (2022). "Financial Inclusion of Women and Gender Gap in Access to Finance: A Systematic Literature Review" *Vision*, Vol. 26(3), pages 282-299, September.

Roy, P., Patro, B. (2022). Financial Inclusion of Women and Gender Gap in Access to Finance: A Systematic Literature Review. *The journal of Business Perspective*, Volume 26, Issue 3. DOI: <https://doi.org/10.1177/09722629221104205>.

Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI). (2016). Báo cáo nghiên cứu: Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. Truy xuất tại <http://wisevietnam.org/wp-content/uploads/2018/01/ MBI-Bao-Cao-DNNVV-Phu-Nu.pdf>, ngày 26/9/2024.

The Asia Foundation, Vietnam Women Entrepreneurs Council & Mekong Business Initiative (TAF, VWEC, & MBI). (2018). Needs Assessment of Women-Owned Small and Medium-Sized Enterprises in Vietnam. Truy xuất tại <https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2018/10/Needs-Assessment-of-Women-Owned-Small-and-Medium-Sized-Enterprises-in-Vietnam.pdf>, ngày 20/9/2024.

UN Women. (2024). Five things to accelerate women's economic empowerment Truy xuất tại <https://www.unwomen.org/en/news-stories/explainer/2024/02/five-things-to-accelerate-womens-economic-empowerment>, ngày 1/10/2024.

UNWomen. (2020). The study - A review of the implementation of small and medium enterprises (smes) support legislation and the capacity building needs and training services for women-owned smes and women entrepreneurs in Viet Nam. Truy xuất tại

[https://vietnam.un.org/sites/default/files/202102/UNW\\_Review\\_Eng%20Full\\_18.12.2020\\_6.pdf](https://vietnam.un.org/sites/default/files/202102/UNW_Review_Eng%20Full_18.12.2020_6.pdf), ngày 10/7/2024.

Văn phòng Thủ tướng Chính phủ. (2017). Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017, tr.34.

World Bank Group. (2018). *Women, Business and the Law 2018*. Washington, DC: World Bank. License: Creative Commons Attribution CC BY 3.0 IGO.

World Bank. (2020). *Women, Business and the Law 2020*. Women, Business and the Law. Washington, DC: World Bank. DOI: 10.1596/978-1-4648-1532-4. License: Creative Commons Attribution CC BY 3.0 IGO.